

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	16,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-1.2%	-

DT thuần	2024	3,891	YoY ▲ 1,626 ▲ 71.8%
		tỷ VNĐ	

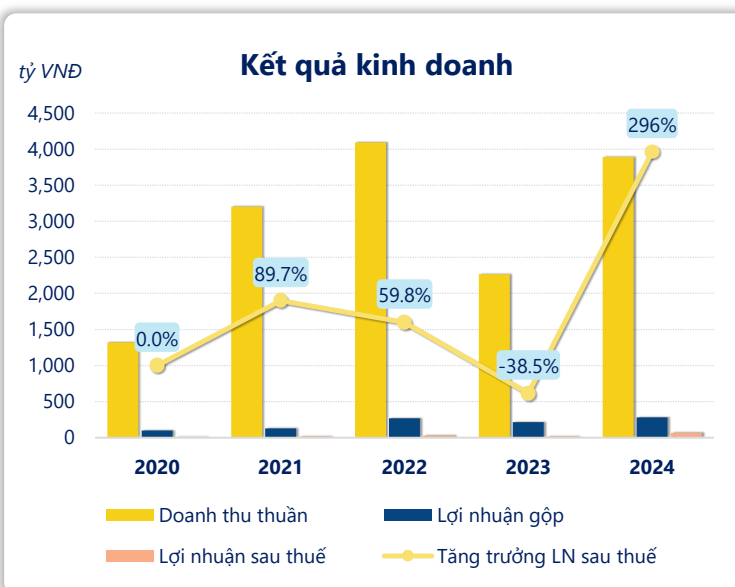
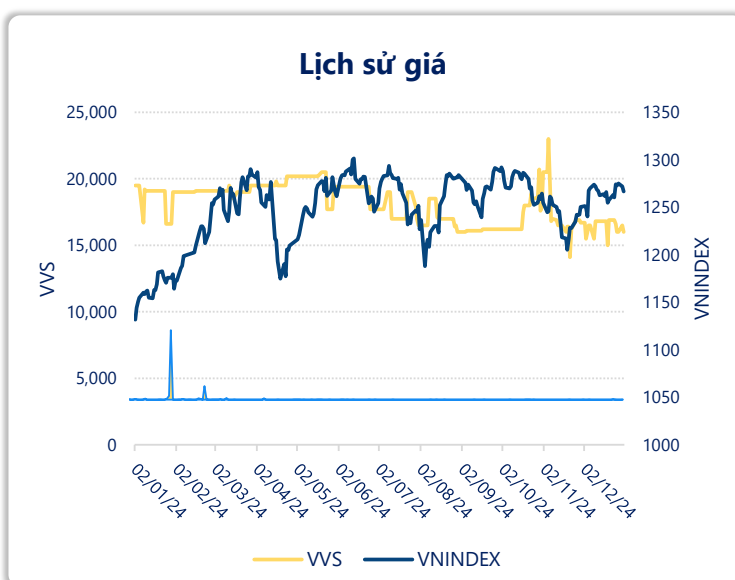
LN gộp	2024	281	YoY ▲ 64.0 ▲ 29.6%
		tỷ VNĐ	

LN thuần	2024	91.3	YoY ▲ 69.0 ▲ 310%
		tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2024	68.4	YoY ▲ 51.1 ▲ 296%
		tỷ VNĐ	

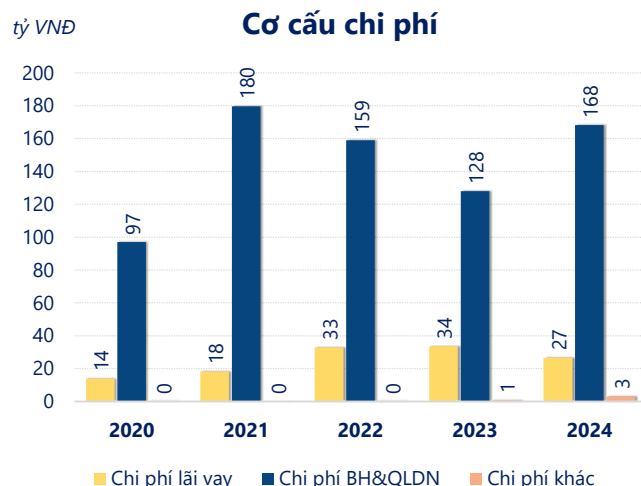
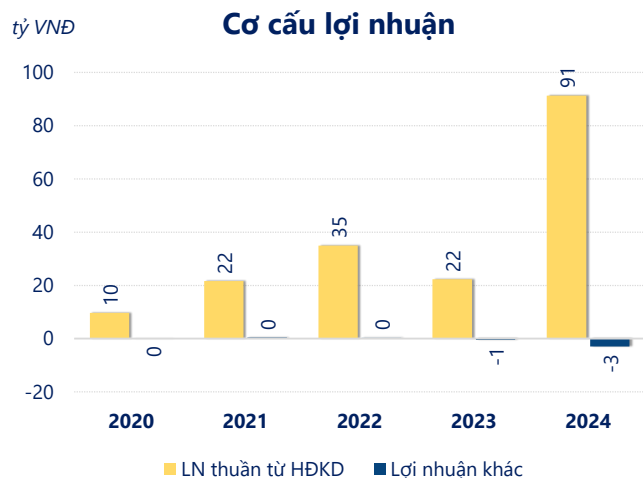
ROE	2024	21.5%	+/- YoY ▲ 15.1%
-----	------	-------	--------------------

ROA	2024	3.3%	+/- YoY ▲ 2.6%
-----	------	------	-------------------



Năm **2024**, **VVS** ghi nhận doanh thu thuần **3,891** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **68.44** tỷ đồng, lần lượt **tăng 71.8%** và **tăng 296%** so với năm trước.

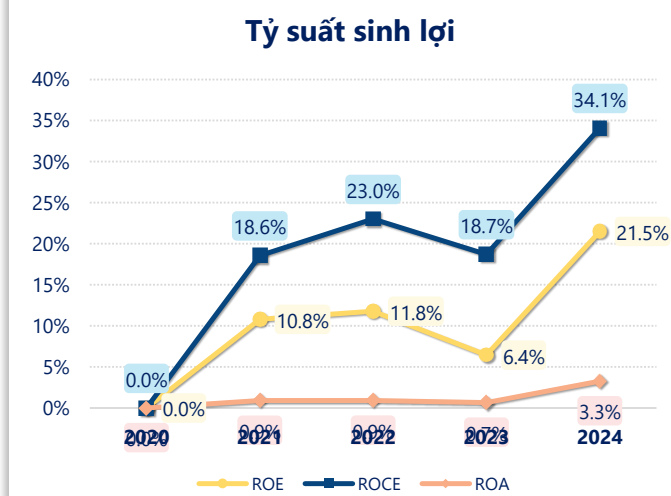
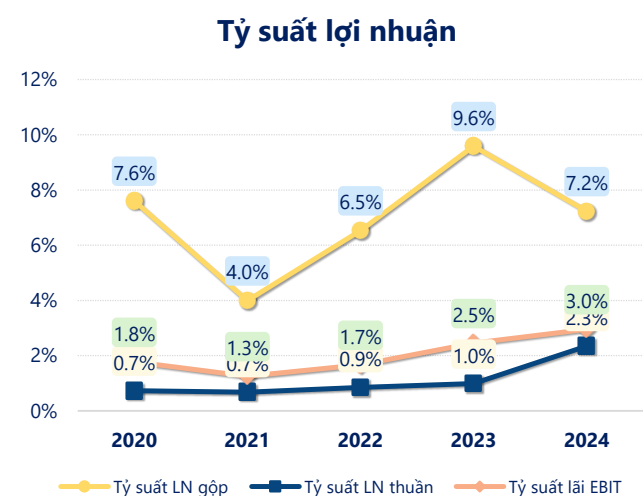
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **21.5%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2024**, **VVS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **91.29** tỷ đồng, **tăng lên 69.00** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (35.96 tỷ đồng) là 55.33 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **26.57** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **168.3** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **3.00** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VVS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **21.5%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



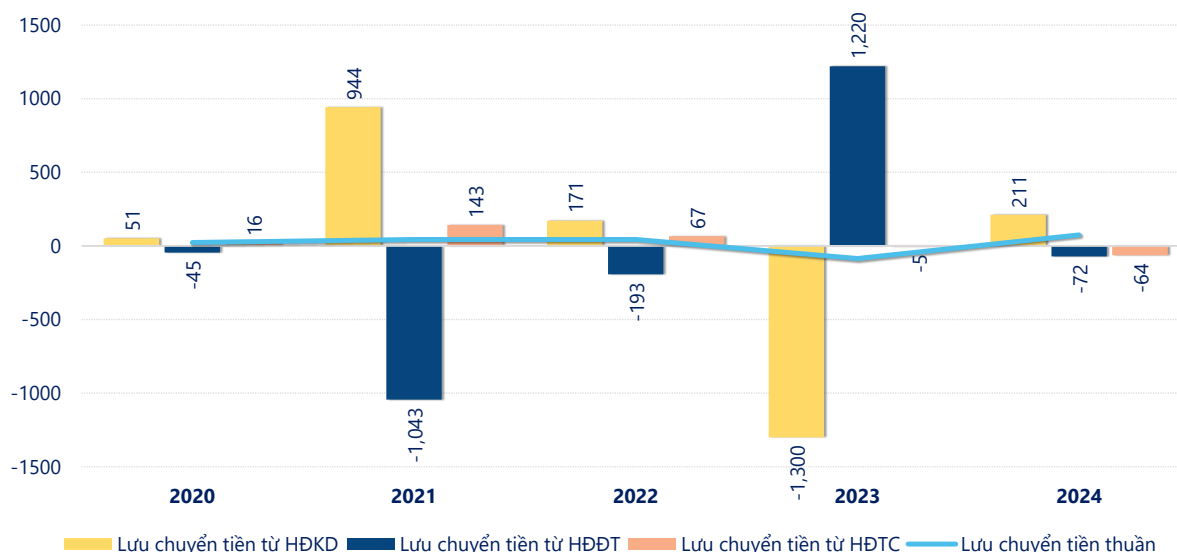
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,322	3,203	4,094	2,265	3,891
Giá vốn hàng bán	1,221	3,075	3,827	2,048	3,610
Lợi nhuận gộp	101	128	268	217	281
Doanh thu HĐTC	29.2	119	171	158	104
Chi phí TC	23.1	45.6	245	225	126
Chi phí lãi vay	13.8	18.2	32.9	33.7	26.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	55.5	135	95.8	64.4	96.1
Chi phí QLDN	41.5	44.6	63.3	63.6	72.1
LN thuần từ HĐKD	9.63	21.7	34.9	22.3	91.3
Lợi nhuận khác	-0.02	0.34	0.30	-0.50	-2.92
LN trước thuế	9.60	22.0	35.2	21.8	88.4
Lợi nhuận sau thuế	9.28	17.6	28.1	17.3	68.4
LNST của CĐ cty mẹ	9.28	17.6	28.1	17.3	68.4

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VVS bằng **74.55** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-85.41 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **210.6** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-72.15** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-63.91** tỷ đồng.